

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 02 - 2018

V/v: Tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Khánh

Các Hội Thẩm Nhân Dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Kim Liệu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: không tham gia

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2017. Về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXX-ST ngày 08/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bình C; sinh năm 1972 (Có mặt)

Cư trú: Số 21, tổ 11, ấp N, xã P, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Hoàng D, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 12, ấp N, xã P, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 18-12-2017 và các lời khai tiếp sau nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bình C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông D sống chung từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hiện nay không hạnh phúc, cứ vài ngày là hai bên chửi mắng, cãi vã nhau, mỗi khi ông D uống rượu về là chửi vợ con và gia đình cha mẹ của bà, ông D còn có hành vi đánh đập bà. Cả hàng xóm bên cạnh đều hay biết và bức xúc mỗi khi vợ chồng cãi vã và ông D cũng đã bị Công an xã mời làm việc về các hành vi trên nhưng ông D vẫn không sửa chữa. hiện nay bà không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng Có 02 con chung là Phan Thị Ngọc P, sinh ngày 12-7-1994 và Phan Thị Ngọc Tr, sinh ngày 10-10-1997, các con đã trưởng thành và sống tự lập được nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: không có

Bị đơn ông Phan Hoàng D thừa nhận thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân theo lời trình bày của bà C, ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung, tài sản chung: Thống nhất với lời trình bày của bà C, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông D là bị đơn có nơi cư trú ấp N, xã P, huyện Tri Tôn, Căn cứ vào các Điều 26, 35, và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà lần thứ nhất, thông báo mở lại phiên toà và giấy triệu tập tham gia phiên toà cho bị đơn ông Phan Hoàng D. Tại phiên Toà hôm nay, bị đơn ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung: Bà C cho rằng năm 1993 bà và ông D tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng trong quan điểm sống, do ông D không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu và nhiều lần đánh đập bà, bà C đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông D vẫn không sửa đổi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà C xin ly hôn với ông D. Ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Mặc dù hôn nhân giữa bà C và ông D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có con chung, nhưng do hai người không có đăng ký kết. Theo qui định tại khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông D không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận bà C và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành sống tự lập, Bà C và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà C và ông D không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Bình C và ông Phan Hoàng D là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bình C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0018241 ngày 18-12-2017 của C Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh